

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 09 /2019/HNGĐ- ST

Ngày: 28/5/2019.

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quyết Chiến
Ông Nguyễn Hải Lý

Thư ký phiên toà: Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 56/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về “ *Tranh chấp HN&GD*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1991 (có mặt)
Cư trú tại: thôn T, xã Y2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Tạ Văn D, sinh năm 1985(có mặt)
Cư trú tại: thôn Y1, xã Y2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27 tháng 02 năm 2019, được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị và anh D kết hôn ngày 27 tháng 02 năm 2017, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y2, huyện Y. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 7 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2018 đến nay. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh D và gia đình xuống đón về, vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không về, vì chị xác định vợ chồng không thể hòa hợp được, tiếp tục chung sống chỉ làm khổ nhau. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10/2018 đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình không dàn xếp.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Đức Ph, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2018, hiện đang ở với chị.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị Nh xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tạ Văn D là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn, và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, anh đồng ý lời trình bày của chị Nh. Anh trình bày thêm, ngoài ra nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do công việc của anh thường xuyên về muộn, ít khi anh ăn cơm ở nhà, chị Nh không hiểu mà luôn trách móc anh, vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn, chị Nh tự bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy gia đình hai bên không dàn xếp.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nh xin ly hôn, anh đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Đức Ph, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2018, hiện đang ở với chị Nh.

Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi con chung, anh không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh D xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh D.

- Con chung: Chị Nh được nuôi con chung Tạ Đức Ph, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về lệ phí, án phí tòa án buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nh và anh D kết hôn ngày 27 tháng 02 năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 Luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 7 năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do công việc của anh D thường xuyên về muộn, ít ăn cơm ở nhà, chị Nh không hiểu luôn trách móc anh D. Vợ chồng cãi nhau, chị Nh bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó tháng 10 năm 2018 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương và gia đình cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị Nh, anh D luôn bất đồng quan điểm sống, anh D không biết tu trí làm ăn. Anh D chê chị Nh không biết cách cư xử.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Nh và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, anh D đồng ý là phù hợp với Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Đức Ph, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2018, hiện đang ở với chị Nh. Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy hiện cháu Ph được 09 tháng 15 ngày tuổi. Chị Nh có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cho chị Nh chăm sóc nuôi dưỡng, chị Nh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị Nh và anh D xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Nh phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 55, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Tạ Văn D.

2. *Về Con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Tạ Đức Ph, sinh 13/8/2018.

Chị Nh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh D có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị Nh phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002737 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị Nh đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Y1.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hương